

TÁC ĐỘNG CỦA KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2017 – 2022 VỚI VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2022 – 2027

Nguyễn Xuân Hoàn¹, Thái Doãn Thanh², Dương Hoàng Kiệt^{3*}

¹PGS. TS, Hiệu trưởng, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

²TS, Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

³ThS, Phó Giám đốc phụ trách, TT.QLCL, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

TÓM TẮT

Kiểm định chất lượng giáo dục là một công cụ hiệu quả giúp kiểm soát và bảo đảm chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cơ sở giáo dục. Đối với Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm định chất lượng giáo dục đã tác động tích cực đến toàn bộ các mặt hoạt động của Trường. Sau khi hoàn thành đánh giá ngoài và được công nhận đạt chất lượng giáo dục năm 2017, trên cơ sở các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2017 – 2022. Qua hơn năm năm thực hiện và đánh giá kết quả, có thể thấy những thay đổi tích cực từ nhận thức đến hành động của Trường, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học, tạo dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục. Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích các tác động của kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, bao gồm các nội dung: (1) Kết quả kiểm định chất lượng ở Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, (2) Phân tích các tác động của kiểm định chất lượng giáo dục đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của Trường, (3) Một số đề xuất kiến nghị đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của trường.

Từ khóa: Kiểm định chất lượng giáo dục, bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các quốc gia không chỉ cạnh tranh về kinh tế, về chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà còn cạnh tranh về giáo dục. Điều này đã đặt ra một yêu cầu sống còn đối với các cơ sở giáo dục đại học trong việc tìm chỗ đứng, khẳng định uy tín và hội nhập vào nền giáo dục toàn cầu. Một nội dung quan trọng trong công tác bảo đảm chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học chính là công tác kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo. Hiện nay, hoạt động này ngày càng phổ biến bởi nó là một công cụ hiệu quả giúp các trường kiểm soát và bảo đảm chất lượng đào tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Điều 110, Luật Giáo dục 2019 khẳng định “Mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục phải bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục; xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo trong từng giai đoạn; làm căn cứ để cơ sở giáo dục giải trình với chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo, cho nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực”. Kiểm định chất lượng giáo dục giúp các trường đại học có cơ hội xem xét lại toàn bộ hoạt động của mình một cách có hệ thống để từ đó điều chỉnh các hoạt động theo một chuẩn mực nhất định; giúp các trường đại học định hướng và xác định

chuẩn chất lượng cho từng hoạt động; là lời tuyên bố chắc chắn tới các bên liên quan về hiện trạng chất lượng của trường; đồng thời tạo tiền đề xây dựng văn hoá chất lượng cho cơ sở giáo dục. Vì vậy, kiểm định chất lượng luôn là nội dung quan trọng được Bộ GD&ĐT đề cập trong kế hoạch trọng tâm từng năm học. Kiểm định chất lượng giáo dục là một công cụ hiệu quả giúp các trường kiểm soát và bảo đảm chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cơ sở giáo dục. Đối với Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm định chất lượng giáo dục đã tác động tích cực đến toàn bộ các mặt hoạt động của Trường. Sau khi hoàn thành đánh giá ngoài và được công nhận đạt chất lượng giáo dục năm 2017, trên cơ sở các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2017 – 2022. Qua hơn năm năm thực hiện và đánh giá kết quả, có thể thấy những thay đổi tích cực từ nhận thức đến hành động của Trường, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học, tạo dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục. Có thể khẳng định, kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo đã tác động mạnh mẽ đến việc nâng cao chất lượng hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.

2. KẾT QUẢ CỦA ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Kết quả kiểm định cấp cơ sở giáo dục của Trường đối sánh với kết quả của 25 cơ sở giáo dục đại học theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ban hành năm 2017

Từ tháng 06/2018 đến nay các cơ sở giáo dục đại học triển khai kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành năm 2017. Các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 12 bao gồm 04 Lĩnh vực với 25 tiêu chuẩn được vi phân thành 111 tiêu chí và được đánh giá theo thang 7 mức (7 điểm); với cách tính điểm cụ thể: Điểm của mỗi tiêu chí là điểm nguyên và đạt 4 điểm trở lên là “Đạt” yêu cầu của tiêu chí; Điểm của mỗi tiêu chuẩn là trung bình cộng điểm các tiêu chí trong tiêu chuẩn (làm tròn đến 2 chữ số thập phân); Điểm mỗi Lĩnh vực là điểm trung bình cộng của các tiêu chuẩn trong Lĩnh vực, làm tròn đến 2 chữ số thập phân và đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên (không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm) là “Đạt yêu cầu”.

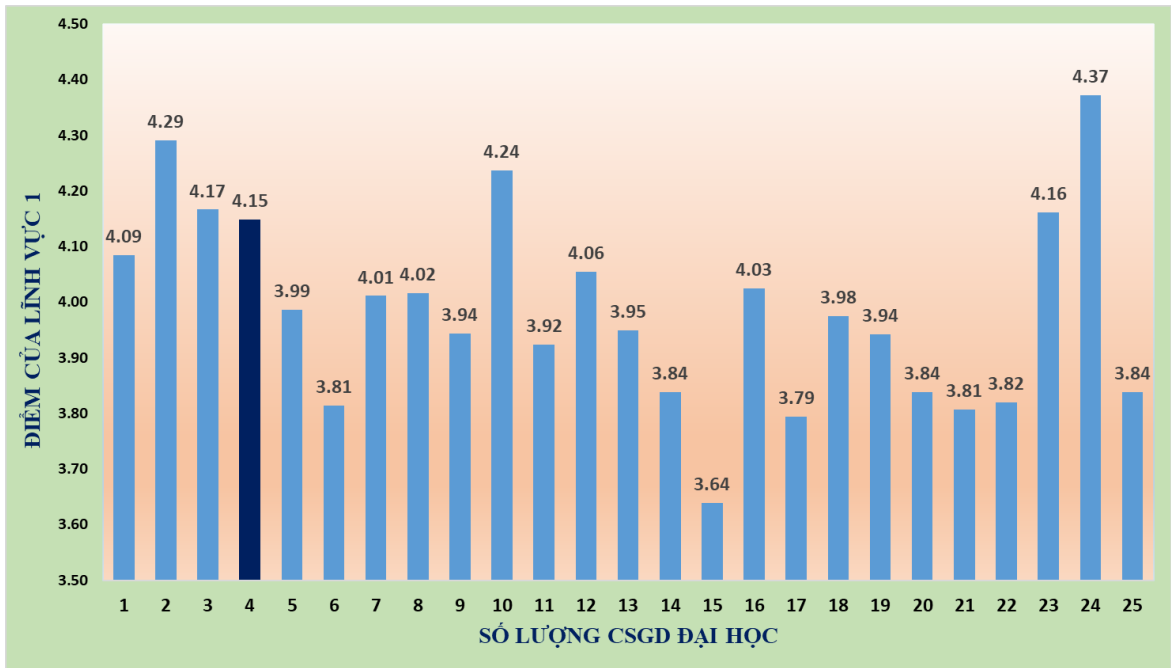
Tính trong giai đoạn 2019 – 2022, theo số liệu công khai trên Cổng thông tin điện tử của 02 Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và các số liệu của các Đoàn Đánh giá ngoài, cả nước có 25 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá ngoài. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, trong đó có Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh – kiểm định chu kỳ 2 công bố ngày 22 tháng 8 năm 2022, được thể hiện trong các bảng thống kê và các hình bên dưới theo Tiêu chuẩn và Lĩnh vực.

Bảng 1. Điểm số kết quả kiểm định chất lượng của 25 cơ sở giáo dục đại học theo từng tiêu chuẩn của Lĩnh vực 1: Bảo đảm chất lượng về chiến lược

Tiêu chuẩn 1	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 4	Tiêu chuẩn 5	Tiêu chuẩn 6	Tiêu chuẩn 7	Tiêu chuẩn 8
3,80	3,75	3,50	2,75	3,50	3,71	3,20	3,75
3,80	3,75	3,75	3,50	3,50	3,71	3,40	3,75
3,80	3,75	3,75	3,50	3,50	3,71	3,60	3,75

Tiêu chuẩn 1	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 4	Tiêu chuẩn 5	Tiêu chuẩn 6	Tiêu chuẩn 7	Tiêu chuẩn 8
3,80	3,75	3,75	3,50	3,50	3,71	3,60	3,75
4,00	3,75	3,75	3,50	3,50	3,86	3,80	3,75
4,00	3,75	3,75	3,50	3,75	3,86	3,80	4,00
4,00	3,75	3,75	3,75	3,75	3,86	3,80	4,00
4,00	3,75	3,75	3,75	3,75	4,00	3,80	4,00
4,00	3,75	3,75	3,75	3,75	4,00	3,80	4,00
4,00	4,00	3,75	3,75	3,75	4,00	3,80	4,00
4,00	4,00	4,00	3,75	3,75	4,00	4,00	4,00
4,00	4,00	4,00	3,75	3,75	4,00	4,00	4,00
4,00	4,00	4,00	3,75	3,75	4,14	4,00	4,00
4,00	4,00	4,00	4,00	3,75	4,14	4,00	4,00
4,00	4,00	4,00	4,00	4,00	4,14	4,00	4,25
4,20	4,00	4,00	4,00	4,00	4,14	4,00	4,25
4,20	4,00	4,00	4,00	4,00	4,29	4,14	4,25
4,20	4,00	4,00	4,00	4,00	4,29	4,20	4,25
4,20	4,00	4,00	4,00	4,00	4,29	4,20	4,25
4,20	4,25	4,00	4,00	4,25	4,29	4,20	4,25
4,20	4,25	4,25	4,00	4,25	4,43	4,20	4,50
4,40	4,25	4,25	4,00	4,25	4,43	4,20	4,50
4,40	4,25	4,25	4,25	4,25	4,43	4,20	4,50
4,60	4,50	4,25	4,50	4,50	4,43	4,40	4,50
4,60	4,50	4,25	4,50	4,50	4,43	4,40	4,50

Số liệu trong Bảng 1 cho ta thấy trong Lĩnh vực 1: Bảo đảm chất lượng về chức năng có Tiêu chuẩn 4 và tiêu chuẩn 5 lần lượt có 52% và 56% số cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu; tiếp đó là các Tiêu chuẩn 2, 3, 7 đều có khoảng 40% số cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu. Nếu tính theo Lĩnh vực (Hình 1 bên dưới, HUFI là trường ở thứ tự số 4, cột màu xanh đậm), trong 25 cơ sở giáo dục đại học đạt yêu cầu, có 56% đạt điểm trong khoảng từ 3,5 đến dưới điểm 4.



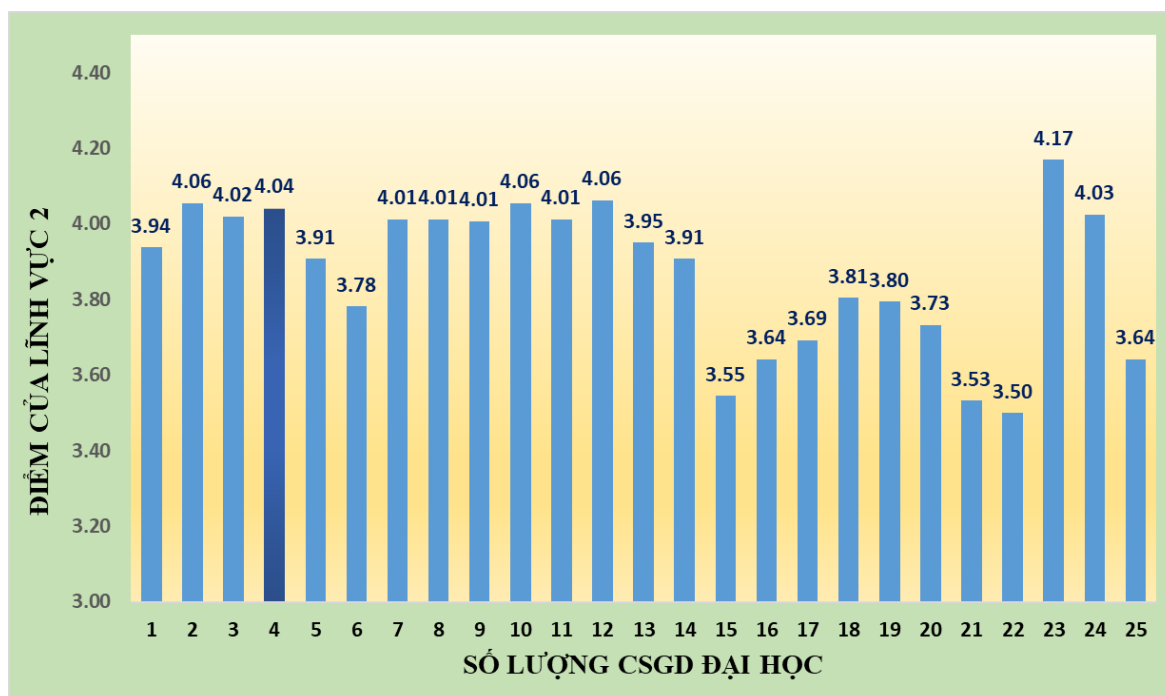
Hình 1. Lĩnh vực 1: Bảo đảm chất lượng về chiến lược

Bảng 2. Điểm số kết quả kiểm định chất lượng của 25 cơ sở giáo dục đại học theo từng tiêu chuẩn của Lĩnh vực 2: Bảo đảm chất lượng về hệ thống

Tiêu chuẩn 9	Tiêu chuẩn 10	Tiêu chuẩn 11	Tiêu chuẩn 12
3,33	3,25	3,50	3,00
3,33	3,75	3,50	3,40
3,50	3,75	3,75	3,40
3,67	3,75	3,75	3,60
3,67	3,75	3,75	3,60
3,67	3,75	3,75	3,60
3,67	3,75	3,75	3,60
3,83	3,75	3,75	3,60
3,83	4,00	3,75	3,60
3,83	4,00	3,75	3,80
3,83	4,00	3,75	3,80
3,83	4,00	3,75	3,80
3,83	4,00	3,75	3,80
3,83	4,00	3,75	3,80
4,00	4,25	3,75	3,80
4,00	4,25	3,75	3,80
4,00	4,25	3,75	3,80
4,00	4,50	3,75	3,80
4,00	4,50	3,75	3,80
4,00	4,50	4,00	3,80

Tiêu chuẩn 9	Tiêu chuẩn 10	Tiêu chuẩn 11	Tiêu chuẩn 12
4,00	4,50	4,00	4,00
4,17	4,50	4,00	4,00
4,17	4,50	4,00	4,00
4,17	4,50	4,00	4,00
4,33	4,50	4,50	4,20

Số liệu trong Bảng 2 cho ta thấy trong Lĩnh vực 2: Bảo đảm chất lượng về hệ thống có Tiêu chuẩn 12 có 80% cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu; tiếp đó là Tiêu chuẩn 11 với 76% số cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu. Các tiêu chuẩn 9 và 10 lần lượt có 56% và 32% các tiêu chí không đạt yêu cầu. Nếu tính theo Lĩnh vực (Hình 2 bên dưới, HUFU là trường ở thứ tự số 4, cột màu xanh đậm), trong 25 cơ sở giáo dục đại học đạt yêu cầu, có 56% đạt điểm trong khoảng từ 3,5 đến dưới điểm 4.



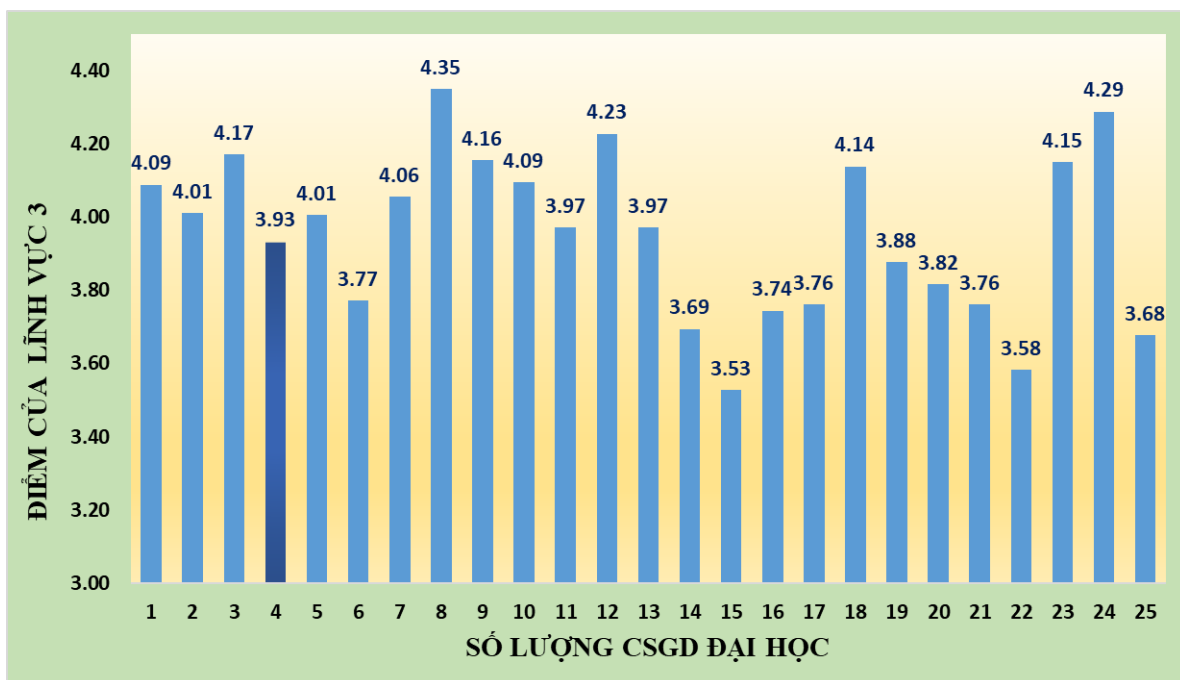
Hình 2. Lĩnh vực 2: ĐBCL về hệ thống

Bảng 3. Điểm số kết quả kiểm định chất lượng của 25 cơ sở giáo dục đại học theo từng tiêu chuẩn của Lĩnh vực 3: Bảo đảm chất lượng về thực hiện chức năng

Tiêu chuẩn 13	Tiêu chuẩn 14	Tiêu chuẩn 15	Tiêu chuẩn 16	Tiêu chuẩn 17	Tiêu chuẩn 18	Tiêu chuẩn 19	Tiêu chuẩn 20	Tiêu chuẩn 21
3,80	3,20	3,60	3,50	3,75	3,50	2,75	3,25	3,50
3,80	3,40	3,60	3,50	3,75	3,50	3,00	3,25	3,50
4,00	3,40	3,60	3,50	3,75	3,50	3,00	3,25	3,75
4,00	3,60	3,60	3,50	3,75	3,50	3,25	3,25	3,75
4,00	3,60	3,60	3,50	3,75	3,50	3,50	3,50	3,75

Tiêu chuẩn 13	Tiêu chuẩn 14	Tiêu chuẩn 15	Tiêu chuẩn 16	Tiêu chuẩn 17	Tiêu chuẩn 18	Tiêu chuẩn 19	Tiêu chuẩn 20	Tiêu chuẩn 21
4,00	3,60	3,80	3,50	4,00	3,75	3,50	3,50	3,75
4,00	3,60	3,80	3,75	4,00	3,75	3,50	3,75	3,75
4,20	3,60	3,80	3,75	4,00	3,75	3,50	3,75	3,75
4,20	3,60	3,80	3,75	4,00	3,75	3,75	3,75	3,75
4,20	3,60	3,80	3,75	4,00	3,75	3,75	3,75	3,75
4,20	3,60	3,80	3,75	4,00	3,75	3,75	3,75	4,00
4,20	4,00	4,00	3,75	4,00	4,00	3,75	3,75	4,00
4,20	4,00	4,00	3,75	4,00	4,00	3,75	4,00	4,00
4,20	4,00	4,00	3,75	4,00	4,00	3,75	4,00	4,00
4,20	4,00	4,00	3,75	4,25	4,00	3,75	4,25	4,00
4,40	4,00	4,00	4,00	4,25	4,00	3,75	4,25	4,00
4,40	4,00	4,20	4,00	4,25	4,25	3,75	4,25	4,00
4,40	4,00	4,20	4,00	4,25	4,25	4,00	4,50	4,25
4,40	4,00	4,20	4,00	4,25	4,25	4,00	4,50	4,25
4,40	4,20	4,20	4,25	4,25	4,25	4,00	4,50	4,25
4,40	4,20	4,40	4,25	4,50	4,25	4,00	4,50	4,25
4,40	4,20	4,40	4,25	4,50	4,50	4,00	4,75	4,25
4,60	4,40	4,40	4,25	4,50	4,50	4,00	4,75	4,50
4,60	4,60	4,40	4,50	5,00	4,75	4,25	5,00	4,50

Số liệu trong Bảng 3 cho ta thấy trong Lĩnh vực 3: Bảo đảm chất lượng về thực hiện chức năng có Tiêu chuẩn 19 có 72% cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu; tiếp đó là Tiêu chuẩn 16 với 64% số cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu. Các tiêu chuẩn 15, 18, 20, 21 có 47% các tiêu chí không đạt yêu cầu. Nếu tính theo Lĩnh vực (Hình 3 bên dưới, HUF1 là trường ở thứ tự số 4, cột màu xanh đậm), trong 25 cơ sở giáo dục đại học đạt yêu cầu, có 52% đạt điểm trong khoảng từ 3,5 đến dưới điểm 4.



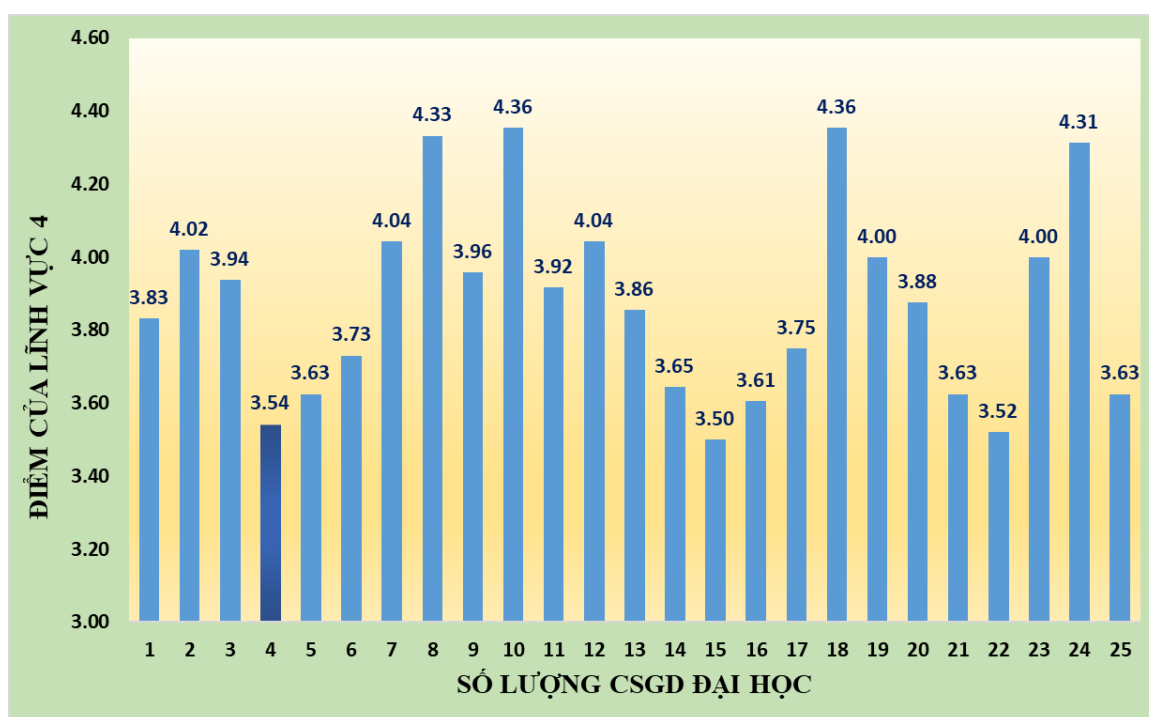
Hình 3. Lĩnh vực 3: Bảo đảm chất lượng về thực hiện chức năng

Bảng 4. Điểm số kết quả kiểm định chất lượng của 25 cơ sở giáo dục đại học theo từng tiêu chuẩn của Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

Tiêu chuẩn 22	Tiêu chuẩn 23	Tiêu chuẩn 24	Tiêu chuẩn 25
3,25	3,00	3,25	3,50
3,50	3,00	3,50	3,50
3,50	3,17	3,50	3,50
3,75	3,33	3,50	3,50
3,75	3,50	3,50	3,50
3,75	3,50	3,75	3,50
3,75	3,50	3,75	3,50
3,75	3,50	3,75	3,50
3,75	3,67	3,75	3,50
3,75	3,67	3,75	3,50
3,75	3,67	3,75	4,00
3,75	3,83	3,75	4,00
3,75	3,83	3,75	4,00
4,00	3,83	3,75	4,00
4,00	4,00	4,00	4,00
4,00	4,00	4,00	4,00
4,00	4,17	4,00	4,00
4,00	4,17	4,00	4,00
4,00	4,17	4,00	4,00
4,25	4,17	4,00	4,00

Tiêu chuẩn 22	Tiêu chuẩn 23	Tiêu chuẩn 24	Tiêu chuẩn 25
4,25	4,17	4,25	4,50
4,25	4,33	4,25	4,50
4,50	4,33	4,25	4,50
4,75	4,50	4,25	4,50
4,75	4,50	4,50	4,50

Số liệu trong Bảng 4 cho ta thấy trong Lĩnh vực 4 về Kết quả hoạt động có Tiêu chuẩn 22, 23, 24 có xấp xỉ 55% cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu; tiếp đó là Tiêu chuẩn 25 với 40% số cơ sở giáo dục đại học có các tiêu chí không đạt yêu cầu. Nếu tính theo Lĩnh vực (Hình 4 bên dưới, HUFU là trường ở thứ tự số 4, cột màu xanh đậm), trong 25 cơ sở giáo dục đại học đạt yêu cầu, có 64% đạt điểm trong khoảng từ 3,5 đến dưới điểm 4.

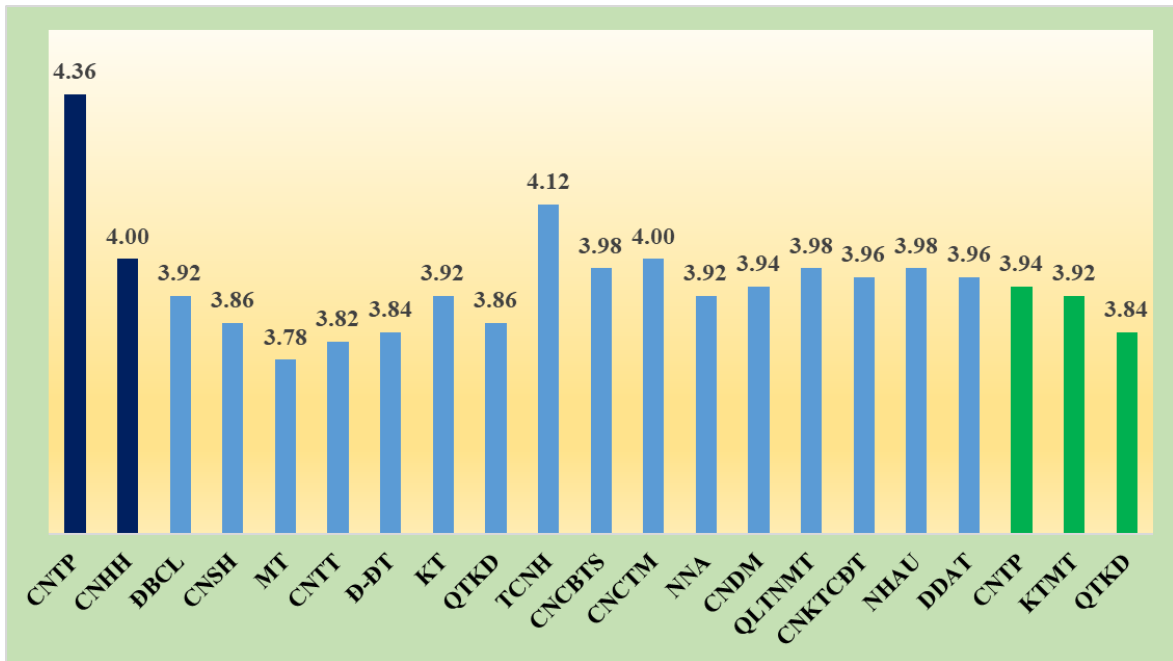


Hình 4. Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

2.2. Kết quả kiểm định cấp chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ban hành năm 2016

Các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT năm 2016 bao gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí và được đánh giá theo thang 7 mức (7 điểm); với cách tính điểm cụ thể: Điểm của mỗi tiêu chí là điểm nguyên và đạt 4 điểm trở lên là “Đạt” yêu cầu của tiêu chí; Điểm của mỗi tiêu chuẩn là trung bình cộng điểm các tiêu chí trong tiêu chuẩn (làm tròn đến 2 chữ số thập phân); Điểm của chương trình đào tạo là điểm trung bình cộng của các tiêu chí, làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Chương trình đào tạo “Đạt yêu cầu” khi có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu.

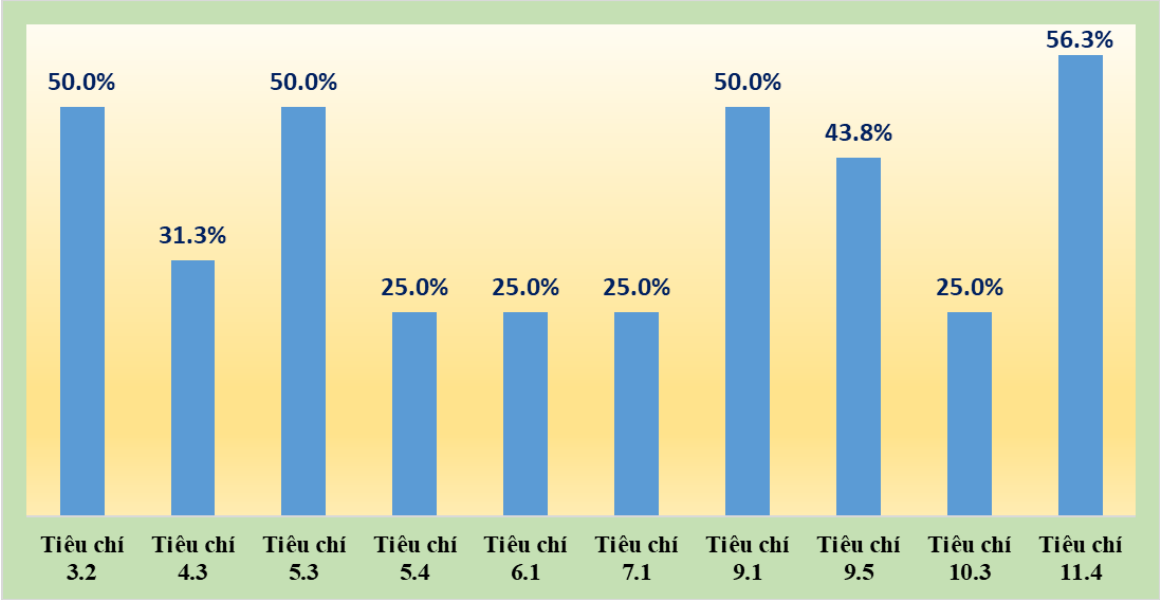
Tính đến ngày 05 tháng 09 năm 2022, Trường có 21 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài, trong đó có 02 chương trình đào tạo trình độ đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng theo AUN-QA, 03 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và 10 chương trình đào tạo trình độ đại học đạt tiêu chuẩn kiểm định theo MOET, 06 chương trình đào tạo trình độ đại học được Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định và xét công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định theo tiêu chuẩn MOET. Hình 5 về kết quả kiểm định chất lượng của 21 chương trình đào tạo cho thấy có 04 chương trình đào tạo có điểm trung bình chung của 11 tiêu chuẩn từ 4 trở lên, 11 chương trình đào tạo có điểm dao động từ 3,90 đến 3,99 và có 06 chương trình đào tạo có điểm dao động từ 3,78 đến 3,89.



Hình 5. Kết quả kiểm định 21 chương trình đào tạo của Trường

Đi sâu phân tích kết quả kiểm định chất lượng 16 chương trình đào tạo trình độ đại học theo tiêu chuẩn MOET của Trường, thấy rõ có 22 tiêu chí đều đạt yêu cầu (điểm 4 và điểm 5), tiêu chí 10.6 (Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến) có 06 chương trình đào tạo đạt điểm 5, tiêu chí 1.1. (Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học) và tiêu chí 6.6 (Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng) có 04 chương trình đào tạo đạt điểm 5. Có 10 tiêu chí có tỉ lệ trên 20% số chương trình đào tạo chưa đạt yêu cầu: đó là tiêu chí 3.2 (Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng), 4.3 (Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học), 5.3 (Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng), 5.4 (Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập), 6.1 (Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng), 7.1 (Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng), 9.1 (Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động

đào tạo và nghiên cứu), 9.5 (Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật), 10.3 (Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra) và 11.4 (Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng). Kết quả này được biểu diễn trong hình 6 dưới đây.



Hình 6. Tỷ lệ (%) chương trình đào tạo có tiêu chí chưa đạt yêu cầu

3. TÁC ĐỘNG CỦA KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẾN VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và hậu kiểm định chất lượng giáo dục đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ hệ thống hoạt động của Trường, đặc biệt đến công tác quản trị và văn hóa chất lượng của Nhà trường. Từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nêu trên, Nhóm tác giả xin điềm qua một số tác động chính sau kiểm định chất lượng giáo dục đến việc nâng cao chất lượng hoạt động của Trường, cụ thể:

Tác động đến công tác quản lý Nhà trường: Các cấp quản lý đã thực sự quan tâm đến tính chuyên nghiệp và chuẩn hóa trong công tác quản lý điều hành của Trường; Đã chủ động khuyến khích sự tham gia nhiều hơn của các bên liên quan (cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu người học, người học, cán bộ, giảng viên và nhân viên) vào công tác quản trị Nhà trường, đóng góp ý kiến cho các văn bản cốt lõi, xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo; Hệ thống hóa và chuẩn hóa các tài liệu, hồ sơ và lưu trữ bảo đảm đầy đủ và tin cậy đối với công tác quản lý tất cả các hoạt động của Trường.

Tác động đến chương trình đào tạo và tổ chức hoạt động đào tạo: Để đạt yêu cầu về chương trình đào tạo và các hoạt động liên quan, các chương trình đào tạo của Trường đã được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung định kỳ 02 năm một lần và đã mô tả rõ nét chuẩn đầu ra, xác định và mô tả rõ hơn về kết quả kỳ vọng đối với người tốt nghiệp; Trường đã quan tâm đến tính thiết yếu của việc làm sao để giảng viên, cán bộ và viên chức quản lý, nhân viên và người học hiểu đúng, nắm chắc những đòi hỏi của chương trình giáo dục đối với từng cá nhân như cụ thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân theo mô tả công việc để góp phần xây dựng và tổ chức triển khai chương trình giáo dục, đo lường và đánh giá được

mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo; bước đầu đã tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước.

Tác động đến cán bộ, giảng viên và nhân viên: Sự thúc ép chung và nhu cầu hội nhập đã giúp bản thân mỗi cán bộ, giảng viên và nhân viên phải “*vận động*” để nâng cao trình độ tiếng Anh, trình độ chuyên môn và tiếp cận những phát triển mới trong chuyên môn, đồng thời từng bước nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên như năng lực nghiên cứu khoa học; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng...; Chú trọng hơn đến việc áp dụng triết lý giáo dục trong tổ chức hoạt động giảng dạy và những phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo nhằm đạt chuẩn đầu ra; Trình bày được nguyện vọng được tham gia xây dựng các chiến lược đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của cá nhân...

Tác động đến người học: Bước đầu hiểu về kỳ vọng người học phải đạt được khi tốt nghiệp chương trình đào tạo mình đang theo học; Có nhận thức về sự thiết yếu để có thể hòa nhập và giao tiếp với các chuyên gia và tra cứu tham khảo tài liệu chuyên ngành, bản thân người học phải tự học nhiều hơn và buộc phải đạt được trình độ tiếng Anh tối thiểu đủ để triển khai thực hiện những yêu cầu trên; Được tiếp cận với các chuyên gia đánh giá ngoài và chia sẻ nguyện vọng, nhu cầu được đào tạo.

Tác động đến Nhà trường: Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam; Được sự thừa nhận của các cơ sở giáo dục và công chúng ở Việt Nam về chất lượng Nhà trường đã đạt được thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng; Đức kết thêm kinh nghiệm về đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Như vậy, có thể khẳng định hậu kiểm định chất lượng giáo dục đã mang lại những thay đổi trong công tác quản trị và đặc biệt là hình thành, phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường bằng việc thay đổi từ nhận thức đến hành động của lãnh đạo trường, giảng viên, nhân viên và người học; đồng thời thay đổi nhận thức của nhiều nhà tuyển dụng và các cựu người học để bước đầu hình thành được nếp văn hóa đóng góp ý kiến, chung sức xây dựng và phát triển nơi đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho chính mình. Bên cạnh những tác động tích cực như đã nêu, kiểm định chất lượng giáo dục cũng đã chỉ ra những điểm tồn tại và đưa ra những khuyến nghị để Trường tiếp tục có những hành động cải tiến nâng cao chất lượng ở mức cao hơn trong giai đoạn phát triển năm năm tiếp theo.

4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG

Một là nâng cao nhận thức về vai trò của bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng đối với sự phát triển Nhà trường. Chất lượng là yếu tố quan trọng giúp các cơ sở giáo dục khẳng định thương hiệu, uy tín của mình trong hệ thống giáo dục đại học. Mỗi người cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học là một nhân tố góp phần tạo nên chất lượng của trường đại học. Do đó, muốn thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng cần phải tạo được sự đồng thuận của tất cả các thành viên trong cơ sở giáo dục. Để làm tốt vấn đề này, nhà trường cần có kế hoạch, chương trình cụ thể để nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà trường về bảo đảm chất lượng. Việc nâng cao nhận thức có thể thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như phổ biến thông tin trên

trang thông tin điện tử, qua các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề, qua các câu lạc bộ, hội, nhóm...

Hai là xây dựng một kế hoạch chiến lược bảo đảm chất lượng và các kế hoạch bảo đảm chất lượng hàng năm trong chu kỳ đánh giá 2022 – 2027. Việc thực hiện chiến lược, kế hoạch năm học và kế hoạch bảo đảm chất lượng cần thiết phải lồng ghép các nội dung thực hiện văn hóa chất lượng.

Ba là hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ tinh gọn, hệ thống thông tin nội bộ, và hệ thống văn bản và quy trình về bảo đảm chất lượng. Hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ tích hợp tiêu chuẩn ISO 21001:2018 với mô hình bảo đảm chất lượng bên trong của AUN-QA đóng vai trò quan trọng đối với việc bảo đảm chất lượng, giúp nhà trường giám sát được toàn bộ các mặt hoạt động, bám sát từng nội dung của các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý đồng bộ trong Nhà trường nhằm tập hợp tất cả các nguồn dữ liệu trong tất cả các lĩnh vực hoạt động để xử lý thành thông tin hữu ích, có thể chia sẻ dễ dàng hơn và giúp cho việc ra quyết định trong hoạt động văn hóa chất lượng bảo đảm tính chính xác và kịp thời.

Bốn là đánh giá nội bộ định kỳ về hoạt động duy trì, cải tiến chất lượng của Nhà trường để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời. Trong quá trình đó phải xác định những điểm hình tiêu biểu của đơn vị trong các hoạt động bảo đảm chất lượng và phát triển văn hóa chất lượng.

Năm là cần có chính sách khen thưởng các đơn vị chủ động và thực hiện có hiệu quả công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng, tăng cường nguồn lực về tài chính và đội ngũ cho đội ngũ chuyên trách và/hoặc kiêm nhiệm làm công tác bảo đảm chất lượng. Đây là đội ngũ nòng cốt, có vai trò quan trọng trong công tác duy trì và cải tiến chất lượng sau đánh giá nhằm bảo đảm cho sự phát triển bền vững của Trường. Quán triệt nhận thức về văn hóa chất lượng cho đội ngũ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học, giúp họ hiểu hơn về vai trò chất lượng, từ đó mới có thái độ và hành vi chất lượng phù hợp, chính xác và hiệu quả với thực tiễn chất lượng của Trường. Đồng thời cần thiết có các chính sách khuyến khích mọi người trong Trường có thể đóng góp nhiều hơn cho việc xây dựng nếp văn hóa tự đánh giá, đánh giá chất lượng và cải tiến chất lượng liên tục.

Sáu là tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và đẩy mạnh công tác truyền thông, tạo điều kiện và cơ chế cho các bên liên quan giám sát, đóng góp vào quá trình duy trì, cải tiến chất lượng của nhà trường. Việc tăng cường hợp tác với các đối tác nói chung, với các doanh nghiệp nói riêng để trao đổi kinh nghiệm lý thuyết và thực tiễn. Dựa vào thực tiễn của các doanh nghiệp, Nhà trường có thể điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng mở, phù hợp với tình hình thực tiễn. Không chỉ có vậy, thông qua quá trình hợp tác, nhà trường có thể nắm bắt được nhu cầu về nguồn về nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, qua đó có hướng đào tạo phù hợp, đặc biệt là có thể tận dụng được nguồn lực sẵn có của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động đào tạo. Mặt khác, cần nâng cấp hệ thống website <https://hufi.edu.vn> bằng cách thường xuyên cập nhật thông tin và các hoạt động nổi bật của Trường. Giao diện của website cần đầu tư thiết kế, bảo đảm tính nổi bật, thu hút người xem, các chỉ dẫn trên website phải thuận tiện cho người truy cập và tương tác. Nhà trường cần thiết phải tạo và quản lý fanpage chung toàn trường, từ đó có thể quảng cáo thương hiệu trên các mạng xã hội, song song đó nên cung cấp thông tin tích cực về hình ảnh của Trường cho các trang báo mạng.

5. KẾT LUẬN

Những kết quả đạt được của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh sau khi triển khai Kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2017 – 2022 cho thấy những tác động tích cực của kiểm định chất lượng đối với Trường. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học giúp Trường có cái nhìn khách quan từ tổng quát đến chi tiết thực trạng hoạt động đào tạo nhân lực của mình, giúp Trường nhận định được mình đang ở trong giai đoạn nào của hoạt động đó so với các cơ sở giáo dục trong nước, từ đó có kế hoạch định hướng phát triển Nhà trường. Tóm lại, tất cả các hoạt động đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, trong đó hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cần được xem là một trong những giải pháp quan trọng mà Trường cần tiếp tục triển khai và phát triển văn hóa chất lượng. Đồng thời, Trường cần làm tốt công tác truyền thông để nhận được sự ủng hộ rộng rãi của các bên liên quan, tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng mức chất lượng cho giai đoạn tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, (2016).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, (2017).
3. Nguyễn Phương Nga, Tổng Thành Trung, Chính sách, cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học và kết quả đạt được, Kỷ yếu hội thảo “Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học trên thế giới và ở Việt Nam”, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, (2019).
4. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, Báo cáo TĐG Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh (2017 – 2022), (2022).
5. Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Báo cáo Đánh giá ngoài Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh chu kỳ 2 (2017 – 2022), (2022).
6. <https://cea.vnu.edu.vn/index.html>
7. <http://cea.vnuhcm.edu.vn/trang-chu.html>

PHỤ LỤC

Kết quả kiểm định chất lượng của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2022

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Tổ chức Kiểm định	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhân	
				Ngày cấp	Giá trị đến
1	CSGD: Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	Chu kỳ 1: 03/5/17	03/5/22
				Chu kỳ 2: Dự kiến 06/9/2022	Dự kiến 06/9/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Tổ chức Kiểm định	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhân	
				Ngày cấp	Giá trị đến
2	CTĐT: Đảm bảo chất lượng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	15/10/19	15/10/24
3	CTĐT: Công nghệ sinh học	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	15/10/19	15/10/24
4	CTĐT: Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	Đạt	28/12/19	28/12/24
5	CTĐT: Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	Đạt	15/03/21	15/03/26
6	CTĐT: Công nghệ Kỹ thuật môi trường	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	27/4/20	27/4/25
7	CTĐT: Công nghệ thông tin	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	27/4/20	27/4/25
8	CTĐT: Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	27/4/20	27/4/25
9	CTĐT: Kế toán	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	27/4/20	27/4/25
10	CTĐT: Quản trị kinh doanh	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	27/4/20	27/4/25
11	CTĐT: Tài chính ngân hàng	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	04/04/22	04/04/27
12	CTĐT: Công nghệ chế tạo máy	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	04/04/22	04/04/27

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Tổ chức Kiểm định	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
				Ngày cấp	Giá trị đến
13	CTĐT: Công nghệ chế biến thủy sản	Trung tâm KĐCLGD – ĐHHQG TP.HCM	Đạt	04/04/22	04/04/27
14	CTĐT: Công nghệ thực phẩm (ThS)	Trung tâm KĐCLGD Trường ĐH Vinh	Đạt	24/04/22	24/04/27
15	CTĐT: Kỹ thuật môi trường (ThS)	Trung tâm KĐCLGD Trường ĐH Vinh	Đạt	24/04/22	24/04/27
16	CTĐT: Quản trị kinh doanh (ThS)	Trung tâm KĐCLGD Trường ĐH Vinh	Đạt	24/04/22	24/04/27
17	CTĐT: Ngôn ngữ Anh	Trung tâm KĐCLGD SG	Đạt	Kết quả Đánh giá ngoài: Đạt	Hợp Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định và xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng ngày 04/9/2022
18	CTĐT: Khoa học Dinh dưỡng và Ẩm thực	Trung tâm KĐCLGD SG			
19	CTĐT: Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống	Trung tâm KĐCLGD SG			
20	CTĐT: Công nghệ Dệt, May	Trung tâm KĐCLGD SG			
21	CTĐT: Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	Trung tâm KĐCLGD SG			
22	CTĐT: Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm KĐCLGD SG			